

Bản án số: 55/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Duyên và bà Vì Thị Xôm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T; Sinh năm: 1986;

Nơi ĐKNKTT: Đội 12 B (Thôn Th), xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Điều Thị Nh; Sinh năm: 1985;

Nơi ĐKNKTT: Đội 12 B (Thôn Th), xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Hiện đang chờ chấp hành án tại: Buồng giam 16T1/MK1, trại tạm giam số 01, Công an thành phố H (Địa chỉ: Đường Ph, quận N, thành phố H) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và Chị Điều Thị Nh đăng ký kết hôn từ ngày 25/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Nh vi phạm pháp luật. Đến tháng 03/2018 chị Nh bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy bị Tòa án xử phạt tử hình. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không kéo dài được nữa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh;

Về con chung: không có.

Về quan hệ tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2022 và trong quá trình giải quyết chị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nh có đăng ký kết hôn với anh T tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Trong thời chung sống hạnh phúc

thì chị Nh bị án tử hình nên chị đồng ý ly hôn để anh T có cuộc sống riêng và hạnh phúc mới.

Về con chung: không có.

Về quan hệ tài sản: Không có và không yêu cầu toà án giải quyết gì.

Chị Nh có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử vụ án do phải chấp hành án không về được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 22/7/2022 anh Nguyễn Trọng T nộp đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022 về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Chị Điều Thị Nh; Nơi ĐKNKTT: Đội 12 B (Thôn Th), xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chờ chấp hành án tại Buồng giam 16T1/MK1, trại tạm giam số 01, Công an thành phố H (Địa chỉ: Đường Ph, quận N, thành phố Hà Nội). Anh T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 01/8/2022 anh T đã nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Điều Thị Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Anh Nguyễn Trọng T và chị Điều Thị Nh đều có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T, chị Nh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Điều Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/12/2014, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị Nh là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị Nh đang phải đi chờ chấp hành án tử hình nên hai anh chị không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do chị Nh vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Năm 2018 chị Nh đã bị bắt và xử phạt tử hình về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Những nội dung trên các bên đều thừa nhận, trại tạm giam cũng đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị Nh đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người vợ, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với anh T. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn chị Nh cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, chị Nh đang phải chờ chấp hành án không về giải quyết được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T, giải quyết cho ly hôn giữa anh T với chị Nh.

Về con chung: Anh T và chị Nh đều khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh T phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng T, cho ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Điều Thị Nh.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0005019 ngày 01/8/2022, Anh T đã nộp đủ án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc